

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HC-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nhưường

2/ Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 69/2019/TLST-HC ngày 21/6/2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HC ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp CD2, xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp 5, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông La Văn D; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã KT;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Dương Tuấn A; Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã KT.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Đặng Hoàng K; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BT, thị xã KT.

(Ông T, ông Tuấn A, ông K có mặt; ông D xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên tòa như sau:

Bà Đỗ Thị C yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết hành chính số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã KT về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý đối với 2.254m² thuộc một phần thửa đất số 467, tờ bản đồ (TBD) số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An; yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho bà C đối với một phần thửa 467, TBD số 04 của UBND xã BT và UBND thị xã KT là trái pháp luật; buộc UBND thị xã KT cấp GCNQSDĐ cho bà C đối với 2.254m² thuộc một phần thửa đất số 467, TBD số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An.

Lý do khởi kiện: Nguồn gốc phần đất 2.254m² thuộc một phần thửa đất số 467, TBD số 04 do gia đình bà C khai hoang vào năm 1986, gia đình bà đã sử dụng liên tục từ năm 1986 cho đến nay không ai tranh chấp. Ngày 24/6/2016 bà C nộp đơn yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với 2.254m² thuộc một phần thửa đất 467 đến UBND xã BT, tại văn bản số 30/CV-UBND ngày 24/6/2016 UBND xã BT đã trả lời đơn của bà C với nội dung không cấp GCNQSDĐ cho bà C vì thửa đất 467 thuộc quỹ đất công ích do địa phương quản lý. Ngày 30/10/2018 bà C nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đến UBND thị xã KT, UBND thị xã KT đã trả lời đơn của bà C tại văn bản số 1305/UBND-TNMT ngày 30/11/2018 với nội dung bà C không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với UBND xã BT, thị xã KT.

Người bị kiện UBND thị xã KT trình bày tại văn bản số 998/UBND-TNMT ngày 25/10/2019 và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa:

Phần đất bà Đỗ Thị C yêu cầu cấp GCNQSDĐ có diện tích khoảng 2.600m², thuộc một phần thửa 467, TBD số 04 do bà Nguyễn Thị Th là mẹ của bà C sử dụng trước đó; phần đất này có nguồn gốc của Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (HTX) Bình Minh trước đây được UBND tỉnh Long An thành lập theo Quyết định số 1793/UB.QĐ.84 ngày 27/12/1984. Khoảng năm 1988, HTX Bình Minh giải thể, đất đai mà các xã viên đã được khoán trước đó vẫn tiếp tục canh tác. Sau khi chia đất theo bình quân nhân khẩu trên địa bàn xã vào năm 1989 - 1990, phần diện tích đất khó sản xuất dư ra được UBND xã cho các hộ dân mượn để sản xuất, đến năm 1998 UBND xã mới bắt đầu thu tiền cho thuê đất đối với các hộ dân. Năm 2009 bà Th ký hợp đồng thuê đất và đóng tiền thuê đất các năm 2010, 2011. Hiện tại, phần đất này thuộc quỹ đất công ích của xã BT quản lý theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 và trên Sổ mục kê do UBND xã quản lý. Vì vậy, yêu cầu

của bà C không có cơ sở để được xem xét giải quyết, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện đầy đủ quyền tranh tụng.

Về nội dung: Nguồn gốc phần đất bà C yêu cầu cấp GCNQSDĐ là của HTX Bình Minh, năm 1988 hợp tác xã giải thể thì các hộ dân trong đó có bà Th (mẹ của bà C) vẫn trực tiếp sử dụng đến nay. Người bị kiện cho rằng đây là đất công nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh lại ban hành Quyết định tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý là trái quy định pháp luật. Bà C đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, nhưng UBND thị xã KT không cấp GCNQSDĐ cho bà C đối với một phần thửa 467, TĐĐ 04 là trái quy định pháp luật. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C; hủy một phần quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý đối với một phần thửa 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An; buộc UBND thị xã KT thực hiện nhiệm vụ công vụ tiến hành thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị C đối với 2.254m² thuộc một phần thửa 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An theo quy định pháp luật.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Nguồn gốc 2.254m² thuộc một phần thửa 467, TĐĐ số 04 do bà Th (mẹ của bà C) trực tiếp sử dụng từ năm 1988 đến nay. Ngày 15/9/2014, UBND thị xã KT ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý trong đó có một phần thửa 467, TĐĐ số 04 hiện do bà Đỗ Thị C đang trực tiếp canh tác trồng lúa. Ngày 30/10/2018 bà C nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với một phần thửa đất 467, TĐĐ số 04 đến UBND thị xã KT, tại văn bản số 1305/UBND-TNMT ngày 30/11/2018 UBND thị xã KT đã trả lời đơn của bà C với nội dung bà C không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Bà Đỗ Thị C cho rằng 2.254m² đất thuộc một phần thửa đất 467, TĐĐ số 04 có nguồn gốc do gia đình bà khai hoang và canh tác ổn định liên tục từ năm 1986 đến nay không ai tranh chấp, đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai. Người bị kiện cho rằng thửa đất 467, TĐĐ 04 thuộc quỹ đất công ích của Nhà nước do UBND xã BT quản lý, bà C hiện đang thuê phần đất thuộc một phần thửa 467 của UBND xã BT để canh tác nên không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thị C yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định hành chính số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã KT về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý đối với một phần thửa 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An; yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính không cấp GCNQSDĐ cho bà C đối với một phần thửa 467, TĐĐ số 04 của UBND thị xã KT là trái pháp luật; buộc UBND thị xã KT thực hiện hành vi hành chính cấp GCNQSDĐ cho bà đối với thửa đất 467, TĐĐ số 04. Đây khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: UBND thị xã KT ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý trong đó có một phần thửa 467, TĐĐ số 04 do bà Đỗ Thị C đang trực tiếp canh tác. Ngày 30/10/2018 bà C tiếp tục nộp đơn xin cấp GCNQSDĐ đến UBND thị xã KT, tại văn bản số 1305/UBND-TNMT ngày 30/11/2018 UBND thị xã KT trả lời đơn của bà C với nội dung bà C không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật đất đai. Đến ngày 23/4/2019, bà C nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu hủy quyết định hành chính và tuyên bố hành vi hành chính của UBND thị xã KT là trái pháp luật là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với UBND xã BT, thị xã KT nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của UBND xã BT tại phiên tòa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã KT về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý:

UBND thị xã KT cho rằng thửa đất 467, TĐĐ số 04 là của HTX Bình Minh, năm 1988 HTX Bình Minh giải thể, các hộ dân được HTX giao khoán đất canh tác vẫn tiếp tục canh tác đất cho đến nay trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Th là mẹ của bà C, nhưng UBND thị xã KT không cung cấp chứng cứ chứng minh thửa 467 là đất công lại ban hành Quyết định tạm giao quỹ đất công cho UBND xã quản lý là trái quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy hủy một phần Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã KT về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã BT quản lý đối với 2.254m² thuộc một phần thửa 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An.

[2.2] Xét tính hợp pháp của hành vi hành chính của UBND thị xã KT:

Theo văn bản số 30/CV-UBND ngày 24/6/2016 của UBND xã BT và văn bản số 1305/UBND-TNMT ngày 30/11/2018 của UBND thị xã KT cho rằng lý do không cấp GCNQSDĐ cho bà C vì thửa đất 467 thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã KT. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định thửa đất 467 là đất công của Nhà nước. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2019, thì một phần thửa 467 có diện tích 2.254m² hiện do bà C đang trực tiếp sử dụng ổn định trồng lúa. Từ năm 1989 đến nay không có tranh chấp, không bị thu hồi hoặc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, vì vậy bà C đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 99, 101 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, hành vi hành chính của UBND thị xã KT không cấp GCNQSDĐ cho bà C là trái với quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và điểm a Khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy cần buộc UBND thị xã KT thực hiện nhiệm vụ công vụ tiến hành thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà C đối với diện tích 2.254m² thuộc một phần thửa 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, bà C tự nguyện chịu chi phí này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về án phí: Bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí; UBND thị xã KT phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 164, Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C.

Hủy một phần Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc tạm giao quỹ đất công cho Ủy ban nhân dân xã BT quản lý đối với một phần thửa đất số 467, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã BT, thị xã KT tỉnh Long An.

Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị C đối với một phần thửa đất số 467, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An là trái quy định pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã KT thực hiện nhiệm vụ công vụ tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị C đối với thửa đất số 467, TĐĐ số 04, tọa lạc tại xã BT, thị xã KT, tỉnh Long An theo quy định pháp luật.

(Diện tích, vị trí phần đất bà C yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 34-2018 ngày 26/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại thị xã KT)

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị C tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; bà C đã nộp xong.

3. Về án phí:

Bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An theo biên lai thu số 0000453 ngày 21/6/2019.

Ủy ban nhân dân thị xã KT phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức